SAO Y; Văn phòng, Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng; 25/11/2021; 15:47:08 +07:00

UỶ BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**
Số: 40 /2021/QĐ-UBND	*Hải Phòng, ngày 25 tháng 11 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng

UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BCT ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Công Thương quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp và Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm

2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Sở Công Thương tại Tờ trình số 2184/TTr-SCT ngày 28/9/2021; Báo cáo thẩm định số 153/BC-STP ngày 20/8/2021 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2021 và thay thế Quyết định số 24/2018/QĐ-UBND ngày 04/9/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy chế phối hợp quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :
- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ,
- Vụ pháp chế - Bộ Công Thương;
- Cục KTVB QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT TU; TT HĐND TP;
- Đoàn ĐBQH TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Các PCVP UBND TP;
- Sở Tư pháp;
- Báo HP, Đài PTTH HP, Cổng TTĐT TP, Công báo TP;
- Các phòng: XDGT&CT, NC&KTGS;
- CV: CT;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Tùng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
Quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 40 /2021/QĐ-UBND ngày 25 / 11 /2021 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về nguyên tắc, phương thức, nội dung quản lý và trách nhiệm phối hợp của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan đối với hoạt động của các cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

2. Các nội dung về công tác quản lý nhà nước có liên quan đến cụm công nghiệp không quy định trong Quy chế này thì thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.

2. Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp.

3. Các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan tới hoạt động của cụm công nghiệp.

Điều 3. Nguyên tắc và phương thức phối hợp

1. Nguyên tắc:

a) Thực hiện cơ chế quản lý một đầu mối, tránh chồng chéo, gây khó khăn, phiền hà cho doanh nghiệp. Sở Công Thương là cơ quan chủ trì, tham mưu giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố; đồng thời là cơ quan đầu mối tiếp nhận, giải quyết hoặc phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp, khiếu nại phát sinh trong quản lý, cung cấp các dịch vụ công cộng, tiện ích trong cụm công nghiệp và các lĩnh vực đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường trong quá trình hoạt động của các dự án trong cụm công nghiệp.

b) Các cơ quan quản lý chuyên ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện phối hợp với đơn vị chủ trì để thực hiện các nội dung theo chức năng, nhiệm vụ được phân công; đồng thời chịu trách nhiệm về nội dung, tiến độ thực hiện nội dung phối hợp.

c) Doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp và các tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp phải chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật; đồng thời tuân thủ thực hiện theo nguyên tắc quản lý nhà nước về cụm công nghiệp theo Quy chế này.

d) Công tác thanh tra đối với các doanh nghiệp trong cụm công nghiệp thực hiện quy định pháp luật về thanh tra và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

e) Công tác báo cáo thực hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 28/2020/TT-BCT ngày 16/11/2020 của Bộ Công Thương.

2. Tùy theo tính chất và nội dung công việc, cơ quan chủ trì quyết định áp dụng một trong các phương thức phối hợp sau đây:

a) Phát hành văn bản, gửi hồ sơ đề nghị cơ quan, đơn vị phối hợp tham gia ý kiến. Cơ quan, đơn vị phối hợp phải có ý kiến trả lời bằng văn bản trong thời gian quy định và chịu trách nhiệm về những nội dung thuộc chức năng quản lý của mình. Sau thời gian quy định, cơ quan được lấy ý kiến không gửi văn bản trả lời đến cơ quan chủ trì thì được xem là đồng ý với nội dung hồ sơ và phải chịu trách nhiệm nội dung công việc liên quan đến chức năng, nhiệm vụ được giao.

b) Tổ chức họp; trường hợp cơ quan, đơn vị phối hợp không thể dự họp thì có trách nhiệm gửi ý kiến tham gia bằng văn bản đến cơ quan chủ trì.

c) Thành lập đoàn kiểm tra, thanh tra liên ngành gồm thành viên của các cơ quan, đơn vị liên quan để triển khai nội dung công việc theo kế hoạch được duyệt.

d) Tổ chức gặp gỡ, đối thoại với các doanh nghiệp trong các cụm công nghiệp để trao đổi, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc ở các lĩnh vực có liên quan như: đầu tư, sản xuất kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu, lao động, môi trường và các vấn đề liên quan khác.

3. Các quyết định, văn bản, hướng dẫn, xử lý, kết luận, kiến nghị liên quan đến quản lý và hoạt động của cụm công nghiệp thì cơ quan chủ trì gửi Sở Công Thương và Ủy ban nhân dân cấp huyện 01 (một) bản để tổng hợp phục vụ công tác quản lý nhà nước.

Chương II
NỘI DUNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CỤM CÔNG NGHIỆP

Điều 4. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện pháp luật, cơ chế, chính sách về cụm công nghiệp

1. Sở Công Thương có trách nhiệm xây dựng, trình và tổ chức thực hiện Phương án phát triển cụm công nghiệp, quy định, quy chế, các chính sách,

chương trình hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật, dự toán kinh phí hoạt động phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Sở Tài chính:

a) Hàng năm căn cứ khả năng cân đối ngân sách, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố bố trí kinh phí đảm bảo hoạt động phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố.

b) Hướng dẫn sử dụng nguồn kinh phí đảm bảo kinh phí hoạt động phát triển cụm công nghiệp được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.

c) Phối hợp với Sở Công Thương kiểm tra, giám sát, quyết toán việc sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước.

3. Các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện nhiệm vụ theo chức năng nhiệm vụ được phân công.

Điều 5. Xây dựng phương án phát triển cụm công nghiệp

1. Nội dung, hồ sơ, trình tự xây dựng, tích hợp Phương án phát triển cụm công nghiệp theo quy định của Luật Quy hoạch và khoản 3, khoản 4 Điều 1 Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp *(sau đây gọi tắt là Nghị định số 66/2020/NĐ-CP).*

2. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện, xây dựng, hoàn thành Phương án phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố và báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố lấy ý kiến thỏa thuận Bộ Công Thương; tích hợp phương án phát triển cụm công nghiệp vào Quy hoạch thành phố theo quy định.

Điều 6. Điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp

1. Nội dung, hồ sơ, trình tự xây dựng, tích hợp điều chỉnh Phương án phát triển cụm công nghiệp theo quy định của Luật Quy hoạch và khoản 5, khoản 6 và khoản 7 Điều 1 Nghị định số 66/2020/NĐ-CP.

2. Trên cơ sở đề xuất điều chỉnh Phương án phát triển cụm công nghiệp của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan tổ chức thẩm định hồ sơ đề nghị điều chỉnh Phương án phát triển cụm công nghiệp; tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố có văn bản đề nghị Bộ Công Thương thống nhất, tích hợp điều chỉnh Phương án phát triển cụm công nghiệp vào Quy hoạch chung thành phố theo quy định.

Điều 7. Thành lập, mở rộng cụm công nghiệp

1. Điều kiện, hồ sơ đề nghị thành lập, trình tự, nội dung thẩm định và Quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp thực hiện theo quy định tại

Điều 10, 11, 12, 13, 14 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp và Khoản 8 Điều 1 Nghị định số 66/2020/NĐ-CP.

2. Lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp: Thực hiện theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Nghị định 66/2020/NĐ-CP và Điều 4 Thông tư số 28/2020/TT-BCT ngày 16/11/2020 của Bộ Công Thương quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp và Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11/6/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP *(sau đây viết tắt là Thông tư số 28/2020/TT-BCT)*.

Ngay sau khi nhận được văn bản và hồ sơ hợp lệ đề nghị làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp của doanh nghiệp, hợp tác xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm thông báo việc tiếp nhận đề nghị làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trên phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, thời hạn đăng thông báo 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Sau thời hạn trên, Ủy ban nhân dân cấp huyện dừng tiếp nhận đề nghị làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp của doanh nghiệp, hợp tác xã và có văn bản báo cáo kết quả gửi về Sở Công Thương.

3. Sở Công Thương chủ trì tổ chức thẩm định báo cáo thành lập, mở rộng cụm công nghiệp:

a) Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ đề nghị thành lập, mở rộng cụm công nghiệp.

b) Gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan. Trường hợp cần thiết, Sở Công Thương tổ chức khảo sát thực tế tại vị trí dự án đề nghị thành lập, mở rộng cụm công nghiệp.

c) Thẩm định năng lực kinh nghiệm (bao gồm năng lực kinh nghiệm thực hiện các dự án tương tự, nếu có) của đơn vị đề xuất dự án đầu tư; Trường hợp liên danh, năng lực kinh nghiệm của nhà đầu tư được xác định bằng tổng năng lực kinh nghiệm của các thành viên liên danh.

d) Trên cơ sở ý kiến thẩm định của các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan và kết quả đi thẩm định thực tế (nếu có), tổng hợp ý kiến, gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ thành lập, mở rộng cụm công nghiệp.

e) Căn cứ hồ sơ đã được hoàn thiện và văn bản giải trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Công Thương dự thảo Báo cáo thẩm định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp; Bảng nhận xét, đánh giá, dự kiến chấm điểm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp; các tài liệu kèm theo và gửi tới các

thành viên Hội đồng trước ngày Hội đồng họp ít nhất ba (03) ngày để nghiên cứu, chuẩn bị ý kiến tham gia tại cuộc họp của Hội đồng.

f) Sau khi Hội đồng đánh giá lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp hoàn thành chấm điểm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, trong vòng một (01) ngày, Sở Công Thương gửi hồ sơ, tài liệu và kết quả chấm điểm của Hội đồng cho Sở Kế hoạch và Đầu tư.

g) Hoàn thành báo cáo thẩm định, lập Tờ trình phê duyệt kèm theo dự thảo Quyết định về việc thành lập, mở rộng cụm công nghiệp; báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

h) Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố có văn bản thống nhất với Bộ Công Thương trước khi phê duyệt trong trường hợp cụm công nghiệp thành lập, mở rộng có điều chỉnh diện tích lớn hơn 05 ha so với quy hoạch đã được phê duyệt.

4. Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm phối hợp tham gia ý kiến thẩm định theo đề nghị của Sở Công Thương:

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Đánh giá sự phù hợp với Quy hoạch thành phố và các vấn đề khác liên quan đến triển khai dự án thuộc thẩm quyền của Sở Kế hoạch và Đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.

- Đánh giá tư cách pháp lý của chủ đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp, việc đáp ứng các điều kiện đầu tư kinh doanh đối với nhà đầu tư nước ngoài (nếu có).

b) Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Đánh giá về sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt đối với nhu cầu sử dụng đất thực hiện dự án đầu tư xây dựng (hoặc mở rộng), kinh doanh kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp.

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có đất kiểm tra, rà soát nguồn gốc và hiện trạng sử dụng đất đối với các tổ chức, đơn vị sử dụng đất trong phạm vi thu hồi đất thực hiện dự án

- Tham gia ý kiến về việc đấu giá quyền sử dụng đất hoặc nhà đầu tư nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất; hình thức sử dụng đất và thời hạn giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

c) Sở Xây dựng:

- Thẩm định sự phù hợp của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp với Quy hoạch chung thành phố đến năm 2040, tầm nhìn 2050; Quy hoạch phân khu xây dựng và Quy hoạch chi tiết xây dựng (nếu có) được duyệt: Nêu cụ thể diện tích và xác định vị trí phần đất phù hợp và phần đất không phù

hợp trong phạm vi quy hoạch (nếu có) trên sơ đồ kèm theo hồ sơ Báo cáo đầu tư thành lập, mở rộng cụm công nghiệp.

- Đánh giá tổng mức đầu tư xây dựng của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo quy định.

- Đánh giá phương án đầu tư xây dựng hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật, cơ cấu sử dụng đất, đánh giá khả năng đấu nối hạ tầng kỹ thuật bên trong và ngoài cụm công nghiệp, kế hoạch, tiến độ triển khai dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.

- Tham gia ý kiến về các nội dung khác có liên quan thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước về xây dựng.

d) Sở Giao thông vận tải:

- Đánh giá sự phù hợp của dự án đối với quy hoạch, kế hoạch phát triển giao thông vận tải của thành phố.

- Đánh giá hệ thống giao thông trong khu vực theo hiện trạng và trong tương lai nếu dự án đi vào hoạt động.

- Có ý kiến đối với các nội dung khác liên quan đến lĩnh vực chuyên ngành.

e) Sở Tài chính:

- Tham gia ý kiến đối với trường hợp dự án có liên quan đến tài sản công hoặc đất công theo quy định về quản lý, sử dụng tài sản công và quy định có liên quan;

- Đánh giá phương án tài chính đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật của nhà đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.

f) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

Tham gia ý kiến về vấn đề sử dụng đất của dự án; việc chuyển đổi đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng và đất rừng phòng hộ (nếu có); tác động, ảnh hưởng đến đê điều (nếu có) và các vấn đề liên quan khác theo quy định.

g) Sở Thông tin và Truyền thông:

Tham gia ý kiến về hệ thống hạ tầng kỹ thuật thông tin và truyền thông; khả năng kết nối hệ thống hạ tầng kỹ thuật thông tin và truyền thông ngoài cụm công nghiệp.

h) Cục Thuế thành phố:

Thực hiện thẩm định các nội dung đề xuất của nhà đầu tư tại Báo cáo đầu tư thành lập, mở rộng cụm công nghiệp, gồm: Thẩm định đề xuất về ưu đãi miễn giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; thẩm định đề xuất về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, cơ sở pháp lý của ưu đãi, đối tượng và điều kiện được hưởng ưu đãi (nếu có).

i) Bộ Chỉ huy quân sự thành phố:

Đánh giá những tác động, ảnh hưởng đến lĩnh vực quốc phòng của việc triển khai dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp tại các khu vực có liên quan đến quốc phòng; hướng dẫn quy trình tham vấn lĩnh vực quốc phòng theo quy định của pháp luật.

k) Công an thành phố:

Tham gia ý kiến về các tiêu trí về an ninh trật tự, an ninh kinh tế, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ theo trình tự, thủ tục và quy định của pháp luật đối với các dự án thành lập, mở rộng cụm công nghiệp tại các địa bàn trọng điểm có liên quan đến an ninh.

m) Các đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình có trách nhiệm phối hợp thực hiện.

Điều 8. Chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

1. Sau khi Hội đồng đánh giá lựa chọn chủ đầu tư được thành lập để chấm điểm, lựa chọn được nhà đầu tư đáp ứng quy định tại khoản 3 Điều 15 của Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 11/6/2020 và thông báo kết quả chấm điểm; nhà đầu tư được lựa chọn gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đến Sở Kế hoạch và Đầu tư để thẩm định (có tham khảo, kế thừa kết quả đánh giá của Hội đồng đánh giá lựa chọn chủ đầu tư).

2. Hồ sơ, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định tại Luật Đầu tư; Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Đầu tư; Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì thẩm định và trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.

Điều 9. Quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp

1. Nội dung, hồ sơ, trình tự lập, thẩm định, phê duyệt và công bố quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp được thực hiện theo quy định về quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng tại Luật Xây dựng; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt

và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

2. Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp tổ chức lập Quy hoạch chi tiết 1/500 cụm công nghiệp (khu vực được giao đầu tư).

3. Cơ quan quản lý quy hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định Quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Xây dựng.

4. Các Sở, ban, ngành liên quan có trách nhiệm phối hợp trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình.

Điều 10. Lập, thẩm định dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

1. Nội dung lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp thực hiện theo quy định của Luật Xây dựng, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng, Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng và các quy định hiện hành.

2. Chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp tổ chức lập, phê duyệt và thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp. Nội dung Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật phù hợp với nội dung Báo cáo đầu tư, mở rộng cụm công nghiệp, quy hoạch chi tiết xây dựng đã được phê duyệt.

3. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành thẩm định các nội dung dự án, thiết kế các công trình hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo quy định của Luật Xây dựng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng.

Điều 11. Lập, thẩm định, phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

1. Nội dung, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án thực hiện theo quy định tại Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp tổ chức lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án. Nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án phù hợp với nội dung Báo cáo đầu tư, mở rộng cụm công nghiệp, quy hoạch chi tiết xây dựng đã được phê duyệt.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định, trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

Điều 12. Thu hồi đất, cho thuê đất và bồi thường giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư thực hiện dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp

1. Chủ đầu tư dự án xây dựng, kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp có trách nhiệm:

a) Đăng ký nhu cầu sử dụng đất thực hiện dự án với Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có đất để đưa vào Kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện để làm cơ sở thực hiện thu hồi đất theo quy định.

b) Ký quỹ hoặc phải có bảo lãnh ngân hàng về nghĩa vụ ký quỹ để đảm bảo thực hiện dự án đầu tư theo quy định pháp luật về đầu tư.

c) Phối hợp, thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư giải phóng mặt bằng đã được phê duyệt.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, tổ chức thẩm định hồ sơ xin giao đất, cho thuê đất và xác định nghĩa vụ tài chính về đất theo quy định của pháp luật; hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định giao đất, cho thuê đất; ký hợp đồng thuê đất (đối với trường hợp thuê đất), bàn giao đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo quy định.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có đất thu hồi để thực hiện dự án chủ trì, tổ chức thực hiện việc kiểm kê, bồi thường, hỗ trợ tái định cư, giải phóng mặt bằng đảm bảo tiến độ thực hiện dự án đã được phê duyệt.

4. Các Sở, ban, ngành và đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình có trách nhiệm phối hợp thực hiện.

Điều 13. Thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy chữa cháy

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật phòng cháy và chữa cháy.

2. Chủ đầu tư dự án lập hồ sơ thiết kế phòng cháy và chữa cháy công trình của dự án theo quy định.

3. Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ - Công an thành phố hướng dẫn lập, thẩm duyệt thiết kế phòng cháy và chữa cháy.

4. Các Sở, ban, ngành liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình có trách nhiệm phối hợp thực hiện.

Điều 14. Nghiệm thu công trình hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

1. Việc nghiệm thu công trình hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp thực hiện theo quy định của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức và trực tiếp tham gia nghiệm thu hoàn thành toàn bộ hạng mục công trình, công trình xây dựng theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

3. Sở Xây dựng chủ trì kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

4. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan có trách nhiệm phối hợp trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình.

Điều 15. Tiếp nhận và thực hiện dự án đầu tư sản xuất kinh doanh vào cụm công nghiệp:

1. Chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp chỉ được tiếp nhận dự án đầu tư sản xuất kinh doanh vào cụm công nghiệp khi có đầy đủ công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

2. Tiếp nhận dự án đầu tư sản xuất kinh doanh vào cụm công nghiệp: Thực hiện theo Điều 22 Nghị định 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

3. Trình tự, thủ tục về đầu tư đối với các dự án đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư.

4. Việc thuê đất trong cụm công nghiệp thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

5. Việc lập, thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc báo cáo đánh giá tác động môi trường thực hiện theo quy định pháp luật về môi trường.

6. Cấp giấy phép xây dựng công trình trong cụm công nghiệp

a) Thủ tục cấp phép thực hiện theo quy định pháp luật về xây dựng.

b) Việc miễn giấy phép xây dựng thực hiện theo quy định tại khoản 30 Điều 1 Luật Xây dựng sửa đổi năm 2020 và Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày

03/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý đầu tư xây dựng.

7. Trách nhiệm của chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp:

a) Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp được quy định tại Điều 21 Nghị định 68/2017/NĐ-CP.

b) Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi chủ trương đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc xử lý đối với các dự án đầu tư trong cụm công nghiệp vi phạm pháp luật, đã ngừng hoạt động hoặc không thực hiện sau 12 tháng.

8. Trách nhiệm của các cơ sở sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp:

Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp quy định tại Điều 25 Nghị định 68/2017/NĐ-CP.

9. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị:

a) Sở Công Thương:

- Chủ trì thanh tra, kiểm tra, đánh giá thực hiện phương án phát triển cụm công nghiệp, chính sách, pháp luật, hiệu quả hoạt động của cụm công nghiệp; xử lý hoặc đề xuất Ủy ban nhân dân cấp thành phố xử lý vi phạm, vấn đề phát sinh về cụm công nghiệp.

- Là cơ quan đầu mối tiếp nhận, giải quyết hoặc phối hợp đề xuất khen thưởng hoặc xử lý vi phạm (nếu có), tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xem xét, xử lý trách nhiệm theo quy định pháp luật.

- Chủ trì thẩm định các đề án xúc tiến, thu hút đầu tư phát triển cụm công nghiệp để đưa vào Chương trình xúc tiến đầu tư hàng năm của thành phố, trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Chủ trì, thẩm định và trình Ủy ban nhân dân thành phố Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân thành phố và cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với các dự án đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài và nhà đầu tư trong nước (trường hợp nhà đầu tư có nhu cầu) theo quy định của pháp luật về đầu tư.

- Trên cơ sở nội dung xúc tiến phát triển cụm công nghiệp do Sở Công Thương đề xuất, tổng hợp, xây dựng và báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố ban hành các Chương trình, Kế hoạch thực hiện các hoạt động xúc tiến đầu tư chung trên địa bàn thành phố

c) Sở Lao động, Thương binh và Xã hội:

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện hướng dẫn các doanh nghiệp trong cụm công nghiệp thực hiện pháp luật về lao động, việc làm, bảo hiểm xã hội, an toàn - vệ sinh lao động; kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật lao động.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan thành lập Đoàn điều tra tai nạn lao động của thành phố để tiến hành điều tra tai nạn lao động thuộc thẩm quyền được quy định tại khoản 2 Điều 35 Luật An toàn, vệ sinh lao động; tham gia, phối hợp với Uỷ ban nhân dân cấp huyện và người sử dụng lao động giải quyết tranh chấp lao động và đình công trong cụm công nghiệp theo quy định.

- Tiếp nhận, giải quyết các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực lao động theo thẩm quyền.

d) Sở khoa học và Công nghệ:

Thực hiện các nội dung liên quan đến thẩm định công nghệ, chuyển giao công nghệ, giám định công nghệ đối với các dự án đầu tư trong cụm công nghiệp theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ và các quy định khác có liên quan.

e) Sở Thông tin và Truyền thông:

Quản lý và chỉ đạo doanh nghiệp bưu chính viễn thông phối hợp với chủ đầu tư hạ tầng đầu tư xây dựng mạng lưới bưu chính viễn thông nhằm đáp ứng yêu cầu về thông tin liên lạc cho các doanh nghiệp trong cụm công nghiệp, đảm bảo chất lượng dịch vụ, tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định.

g) Bộ Chỉ huy quân sự thành phố:

- Phối hợp với các cơ quan chức năng nắm tình hình, hoạt động của các doanh nghiệp có người nước ngoài, người Việt Nam làm việc cho các tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện các quy định của pháp luật về bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội ở các khu vực hải đảo, địa bàn trọng điểm về quốc phòng.

- Chỉ đạo cơ quan, đơn vị thuộc quyền tổ chức rà soát, hướng dẫn các doanh nghiệp thành lập lực lượng tự vệ theo quy định của Luật Dân quân tự vệ năm 2019.

- Tham mưu cho Hội đồng giáo dục quốc phòng và an ninh thành phố chỉ đạo Hội đồng giáo dục quốc phòng và an ninh các quận, huyện rà soát, tổ chức và triệu tập các đối tượng tham gia bồi dưỡng kiến thức quốc phòng an ninh theo quy định.

h) Công an thành phố:

- Tổ chức nghiệm thu công trình và thực hiện các quy định khác về kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy đối với dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp; các dự án đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp.

Hướng dẫn các doanh nghiệp trong các cụm công nghiệp thực hiện các biện pháp phòng chống cháy nổ; tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho lực lượng phòng cháy chữa cháy tại các doanh nghiệp; tổ chức kiểm tra, xử lý nghiêm những vi phạm trong công tác phòng cháy chữa cháy.

- Chủ trì phối hợp với Sở Công Thương, Uỷ ban nhân dân các quận, huyện và các đơn vị liên quan xây dựng, thực hiện kế hoạch liên ngành nhằm đảm bảo an ninh, an toàn trong cụm công nghiệp. Chỉ đạo, hướng dẫn Công an các đơn vị, địa phương tăng cường các biện pháp bảo đảm an ninh trật tự trong các cụm công nghiệp. Tổ chức huấn luyện nghiệp vụ cho lực lượng bảo vệ của doanh nghiệp.

- Tăng cường công tác nắm tình hình, hoạt động của các doanh nghiệp trong cụm công nghiệp. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về xuất nhập cảnh và phối hợp với các sở, ngành liên quan quản lý lao động là người nước ngoài làm việc tại cụm công nghiệp.

- Tham gia, phối hợp, giải quyết khiếu kiện đông người, khiếu nại, tố cáo trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư có liên quan đến an ninh trật tự; phối hợp giải quyết, xử lý các vụ đình công, lãn công, ngừng việc tập thể của người lao động trong các cụm công nghiệp.

i) Ủy ban nhân dân cấp huyện:

- Đầu mối tiếp nhận giải quyết hoặc phối hợp, đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết các thủ tục triển khai dự án đầu tư sản xuất kinh doanh vào cụm công nghiệp theo phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố. Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch di dời doanh nghiệp, cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường hoặc phải di dời theo quy hoạch của địa phương vào cụm công nghiệp; đề xuất khen thưởng hoặc xử lý vi phạm (nếu có);

- Thanh tra, kiểm tra, đánh giá việc chấp hành pháp luật, chính sách về cụm công nghiệp theo thẩm quyền; định kỳ hoặc đột xuất báo cáo Ủy ban nhân dân cấp thành phố và Sở Công Thương về tình hình cụm công nghiệp trên địa bàn.

k) Các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan:

Có trách nhiệm phối hợp thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo ngành lĩnh vực phụ trách đối với doanh nghiệp đầu tư hạ tầng, doanh nghiệp đầu tư sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp.

Điều 16. Quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích

1. Các dịch vụ công cộng, tiện ích chung trong cụm công nghiệp gồm: Bảo vệ, giữ gìn an ninh trật tự; thông tin liên lạc; cấp nước, thoát nước; vệ sinh môi trường, xử lý nước thải, chất thải; phòng cháy, chữa cháy; duy tu, bảo dưỡng, khai thác các công trình hạ tầng kỹ thuật và các dịch vụ tiện ích khác.

2. Giá sử dụng các dịch vụ công cộng, tiện ích được xác định trên nguyên tắc thỏa thuận thông qua hợp đồng ký kết giữa tổ chức sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp và chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp. Trường hợp không thỏa thuận được, chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp có trách nhiệm tổ chức cung cấp, quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích chung trong cụm công nghiệp; xây dựng, phê duyệt Quy chế quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích trên cơ sở ý kiến của doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp, không trái quy định của pháp luật. Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày quyết định phê duyệt Quy chế quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích, chủ đầu tư có trách nhiệm gửi Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp huyện để theo dõi, quản lý./.